

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 18/5/2021
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán: ông Hoàng Ngọc Linh;
ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: bà Lương Thị Hương
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2021/TLPT-HNGĐ ngày 04/02/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 231/2020/HNGĐ-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2021/QĐ-PT ngày 30/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐ-PT ngày 19/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1983; nơi cư trú: số 492 ấp TH, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Luật sư Huỳnh Hồng D - Văn phòng Luật sư Huỳnh Hồng D, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: 47A TĐT, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* bà Hoàng Thiên N, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Luật sư Bùi Quốc N1 - Chi nhánh Công ty Luật A-T, Đoàn Luật sư thành phố CT; địa chỉ: số 423 ấp MH, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Vĩnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh T trình bày:

Ông Nguyễn Vĩnh T và bà Hoàng Thiên N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang ngày 27/4/2011. Từ lúc kết hôn đến nay, vợ chồng chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nên ông Nguyễn Vĩnh T yêu cầu được ly hôn với bà Hoàng Thiên N.

- Về con chung: vợ chồng có 2 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 04/01/2012 và Nguyễn Hoàng Thiên K1, sinh ngày 20/12/2016. Ông T yêu cầu được nuôi 02 con chung, nhưng theo nguyện vọng của con Nguyễn Hoàng Thiên K muốn sống với bà N thì ông T đồng ý giao con chung Nguyễn Hoàng Thiên K cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T có yêu cầu được nuôi dưỡng con Nguyễn Hoàng Thiên K1, sinh ngày 20/12/2016, hiện nay 02 con chung đang sống với bà N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T yêu cầu Tòa án xem xét về điều kiện kinh tế để đảm bảo việc nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hoàng Thiên N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Vĩnh T về điều kiện, thời gian kết hôn, cũng như thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Bà Hoàng Thiên N đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh T.

- Về con chung: thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 04/01/2012 và Nguyễn Hoàng Thiên K1, sinh ngày 20/12/2016, hiện nay 02 con chung đang sống với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu được nuôi con Nguyễn Hoàng Thiên K1, sinh ngày 20/12/2016 của ông T thì bà N không đồng ý.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 231/2020/HNGĐ-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Vĩnh T và bà Hoàng Thiên N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 27 tháng 04 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang cấp cho bà Hoàng Thiên N và ông Nguyễn Vĩnh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 04/01/2012 và Nguyễn Hoàng Thiên K1, sinh ngày 20/12/2016 cho bà Hoàng Thiên N được tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/12/2020 ông Nguyễn Vĩnh T kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên K1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phản tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T phát biểu: căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình thì việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của cha mẹ, nhưng khi ly hôn việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện thực tế của mỗi bên. Bà N chỉ có mức thu nhập hơn 10.000.000đ/tháng, với mức thu nhập này là rất khó khăn cho việc nuôi hai con. Ngoài ra, bà N còn thường xuyên để hai cháu sinh hoạt tại khách sạn nơi bà N làm thêm sẽ không tốt cho con gái. Đối với ông T, ngoài lương ông T còn có công việc làm thêm với mức thu nhập cao, đủ điều kiện để nuôi dạy, chăm sóc con tốt hơn. Ông T cũng đã có mua bảo hiểm để đảm bảo tương lai cho các cháu. Ông T nhiều lần đến thăm con nhưng bị cản trở nên mới nhờ Thừa phát lại lập vi bằng, chứ không phải ông T không thăm con như lời trình bày của bà N. Nếu ông T được nuôi con thì sẽ tạo điều kiện cho bà N được thăm con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N phát biểu: bà N và ông T đều có điều kiện như nhau để nuôi dưỡng cháu K1. Tuy nhiên, từ khi ly hôn cho đến nay bà N đã chăm sóc cháu K1 tốt, được chứng minh qua kết quả xác minh của cấp sơ thẩm. Hai cháu đã sống với bà N ổn định, ông T chỉ đến thăm con một lần vào ngày 26/3/2021, chứ không phải nhiều lần như ông T trình bày. Để ổn định tâm lý cho cháu K1, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu K1 cho bà N nuôi dưỡng.

Ông T, bà N không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: ông T kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: ông T kháng cáo xin được nuôi cháu K1, nhưng từ khi ly thân đến nay bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1 và cháu K thể hiện tình cảm gắn bó giữa hai cháu, việc giao cháu K1 cho ông T nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng tâm lý cho cả hai cháu. Cháu K1 còn quá nhỏ và là con gái để bà N trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận lợi hơn, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà N có hành vi cản trở ông T đến thăm con, cấp sơ thẩm giao cháu K1 cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp. Ông T kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu K1 là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Ngày 14/12/2021 ông Nguyễn Vĩnh T kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận và xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung, nuôi con (đối với cháu Nguyễn Hoàng Thiên K) và cấp dưỡng nuôi con không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề cập.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh T về yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên K1:

Ông T, bà N có hai con chung là Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 04/01/2012 và Nguyễn Hoàng Thiên K1, sinh ngày 20/12/2016, cả ông T, bà N đều có nguyện vọng được nuôi con chung thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con. Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông T, bà N đều là công chức nhà nước, có thu nhập ổn định từ công việc, ngoài ra ông, bà còn làm kinh tế phụ để tăng thu nhập, nên xét về điều kiện thì cả hai đều có đủ khả năng vật chất, kinh tế để nuôi dưỡng hai con chung. Tuy nhiên, từ khi ly hôn cho đến nay bà N là người trực tiếp nuôi hai cháu K1 và Kim, trong thời gian nuôi dưỡng hai cháu, bà N không nhận được sự cấp dưỡng từ phía ông T, nhưng bà N vẫn nuôi con tốt, hai cháu vẫn phát triển bình thường, bà N cũng không vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng. Ngoài ra cháu K1 là con gái, tuổi còn nhỏ nên rất cần đến sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ trong sinh hoạt hàng ngày để phát triển về thể chất, tinh thần, tâm lý và tạo tình cảm gắn kết giữa hai cháu K và K1, do đó cấp sơ thẩm giao cháu K1 cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm ông T có cung cấp các vi bằng kèm theo các đĩa CD do Văn phòng Thừa phát lại Nguyễn Quốc Toàn tại tỉnh Vĩnh Long lập, ông T cho rằng khi đến thăm con vào ngày 26/3/2021 thì bị ngăn cản, tuy nhiên qua xem xét nội dung của các đĩa CD và các vi bằng thì không thể hiện việc bà N hoặc gia đình bà N có hành vi ngăn cản ông T khi đến thăm con. Do đó, lời khai của ông T là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T về việc yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Thiên K1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CM.

[3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh T về việc yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên K1, sinh ngày 20/12/2016.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 231/2020/HNGĐ-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

3. Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Vĩnh T phải chịu 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009123 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM (đã nộp xong).

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm 231/2020/HNGĐ-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện CM đã tuyên về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nuôi con chung (đối với cháu Nguyễn Hoàng Thiên K) nợ chung, cấp dưỡng nuôi con và án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND huyện CM (1);
- THA huyện CM (1);

Nguyễn Thị Minh Phượng

- Tòa GD & NCTN (2);
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1);
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1);
- Đương sự (2);
- Người bảo vệ QVLIHP (2);
- Lưu hồ sơ.